

Số: 28/BC-THHH

Hải Hà, ngày 20 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU CHI TÀI CHÍNH
THEO THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA ĐỊA PHƯƠNG, NHÀ TRƯỜNG

1. Thuận lợi:

- Đảng ủy và chính quyền địa phương luôn quan tâm, đầu tư về cơ sở vật chất, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

- Hải Hà là địa phương có truyền thống hiếu học, phong trào giáo dục toàn diện của ba nhà trường luôn duy trì và phát triển tốt. Kết quả giáo dục của nhà trường nhiều năm trong tốp đầu của huyện Hải Hậu. Năm học 2017-2018; 2021-2022, nhà trường được UBND tỉnh Nam Định tặng bằng khen cho đơn vị có thành tích trong phong trào giáo dục – đào tạo; năm học 2018-2019 được UBND tỉnh tặng cờ: “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua”; Năm học 2019-2020 được Sở giáo dục và đào tạo tặng Giấy khen đơn vị đạt thành tích xuất sắc là Điển hình tiên tiến giai đoạn 2015-2020.

- Năm học 2023-2024, Nhà trường đã kiểm tra công nhận lại đạt Chuẩn quốc gia mức độ I, đạt Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, Chuẩn chất lượng GD cấp độ 2; với hệ thống trang thiết bị tương đối đầy đủ và từng bước hiện đại, cảnh quan môi trường và các điều kiện về CSVC đảm bảo thuận lợi cho việc hoàn thành các mục tiêu giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên có tinh thần đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tương đối vững vàng, hết lòng vì học sinh.

2. Khó khăn:

- Nhà trường đã được xây dựng từ lâu nên đa số các hạng mục công trình đã bị xuống cấp. Hiện tại, nhà trường vẫn còn thiếu một số phòng phục vụ học tập, phòng Đa năng để tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh.

- Một bộ phận phụ huynh đi làm ăn xa nhà nên việc phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn kinh phí thường xuyên của đơn vị còn hạn hẹp, vì vậy việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị chưa được thường xuyên, kịp thời, nên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng giảng dạy.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA ĐƠN VỊ :

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện:

+ Tuyển sinh theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT. Đối tượng là học sinh đã hoàn thành chương trình Mầm non.

+ Độ tuổi: từ 6 đến 11 tuổi.

+ Thời gian tuyển sinh: từ ngày 10/6 đến hết ngày 15/6/2023.

+ Địa điểm: tại trường TH Hải Hà.

- Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện:

+ Lớp 1,2,3,4 thực hiện theo chương trình GDPT 2018

+ Lớp 5 thực hiện theo công văn số 4612 ngày 30/10/2017 của BGDĐT.

- Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh:

+ Cung cấp đủ mọi thông tin của cơ sở giáo dục đến gia đình học sinh.

+ Gia đình cần tạo đủ điều kiện cho học sinh tham gia học tập.

+ Họp cha mẹ học sinh đầu năm thông báo kế hoạch của trường, lớp và các khoản thu do nhà nước quy định.

+ BGH nhà trường thường xuyên liên hệ với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường; Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp để kịp thời giáo dục học sinh.

+ Học sinh phải thực hiện đầy đủ các quy định trong điều lệ Trường Tiểu học và nội quy của nhà trường đề ra.

- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

+ Có môi trường học tập và vui chơi lành mạnh thoáng mát. Phòng thư viện đã đạt chuẩn Thư viện mức độ II. Có tương đối đầy đủ các loại sách phục vụ cho giáo viên, học sinh, sân khấu của trường với đầy đủ thiết bị, âm thanh - nơi học sinh có thể biểu diễn hát, múa, sinh hoạt, vui chơi, phát triển năng khiếu.

+ Học sinh được tham gia các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch của lớp, của trường.

+ Học sinh được tham gia các hội thi do Liên đội tổ chức.

+ Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ tốt cho việc học của học sinh.

+ Học sinh được tiếp cận các phương tiện dạy học hiện đại. Được học Ngoại ngữ, Tin học, khai thác thông tin trên mạng tại phòng học Tiếng Anh, Tin học có kết nối Internet.

- Kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 05).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

- Số học sinh học 2 buổi/ngày, xếp theo năng lực, phẩm chất, xếp theo kết quả học tập; tổng hợp kết quả cuối năm (Theo Biểu mẫu 06).

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II và đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn năm 2016; Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3 năm 2018.

- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I và đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 năm 2024;.

- Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định của trường đạt chuẩn Quốc gia.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá, rà soát lại các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục để điều chỉnh, bổ sung những hạn chế và phát huy những điểm mạnh phấn đấu duy trì trường đạt chuẩn đánh giá ngoài chất lượng giáo dục

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh:

- Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng về cơ sở vật chất: Các phòng học, phòng chức năng đảm bảo về diện tích và được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng đen, ánh sáng, đảm bảo mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

- Các phòng chức năng được khai thác, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả cao trong dạy và học.

- Nhà trường thiếu 01 phòng truyền thống Đội phải lồng ghép với phòng truyền thống của nhà trường, 01 phòng Khoa học công nghệ; 01 phòng tư vấn tâm lý và học trợ học sinh khuyết tật; 01 phòng giáo viên, 01 phòng Đa chức năng.

* Số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có so với quy định (theo Biểu mẫu số 07).

- Đảm bảo tối thiểu các thiết bị dạy học và được sử dụng trong các tiết học.

- Thiết bị dạy học tuy đã được đầu tư nhưng còn chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu của chương trình GDPT 2018. Các thiết bị, đồ dùng dạy học sau một thời gian sử dụng đã hư hỏng .

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu số 08).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và các năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính của đơn vị

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo:

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12 /2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công (*công khai mua sắm đồ dùng đồ chơi, công cụ, dụng cụ, mua sắm, sửa chữa tài sản công*).

- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường THCS Hải Phúc công khai tài chính gồm:

- Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 (Biểu số 2 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

- Công khai thực hiện Dự toán Thu- Chi Ngân sách năm 2023 (Biểu số 3- Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2023 (Biểu số 4- Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2023 (Mẫu số 09a-CK/TSC – Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.)

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2023 (Mẫu số 09c-CK/TSC – Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài

chính.)

(Có hồ sơ công khai do bộ phận kế toán công khai theo đợt và quản lý)

b. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

- Căn cứ Công công văn số 983/UBND-GDĐT ngày 21 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Hải Hậu về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; Hướng dẫn tạm thời thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục năm học 2023-2024.

STT	Nội dung thu	ĐVT	Định mức thu năm học 2023-2024	Dự kiến thu	
				Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Kỹ năng sống	đồng/tiết/HS	4.000	4.000	4.000
2	Tiền nước uống	đồng/tháng/HS	10.000	10.000	10.000
3	Trông giữ xe đạp	đồng/tháng/HS	10.000	10.000	10.000
4	Tiền hỗ trợ DV vệ sinh	đồng/tháng/HS	18.000	18.000	18.000
5	Vận động tài trợ, ủng hộ tăng cường CSVC	Vận động tài trợ, viện trợ từ các đơn vị, cá nhân trong và ngoài xã, các nhà hảo tâm, cựu học sinh, hội đồng hương... Tổng số tiền tiếp nhận tính đến ngày 31/05/224: 158.413.000 đồng			
6	Bảo hiểm y tế học sinh	đồng/năm/HS	680.400	680.400	Thu theo mức lương cơ bản nhà nước quy định

c. Trong năm học 2023-2024 trường Tiểu học Hải Hà chi:

- Chi quỹ lương và các khoản thanh toán cho cá nhân: 3.931.920.549 đồng.
- Chi thực hiện các dịch vụ, chuyên môn nghiệp vụ: 616.445.023 đồng.
- Chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa tài sản, thiết bị: 608.477.708 đồng.
- Chi thực hiện các nhiệm vụ khác: 319.242.005 đồng.
- Mức thu nhập bình quân hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: 8.500.000 đồng. Mức thu nhập cao nhất: khoảng 14.000.000 đồng. mức thu nhập thấp nhất: 4.500.000 đồng.
- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

Trong năm học nhà trường đã thực hiện nghiêm túc về chế độ trợ cấp, miễn giảm BHYT cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách:

- + Miễn 100% BHYT cho học sinh thuộc đối tượng con hộ nghèo, cận nghèo.
- + Không thu BHYT của những học sinh thuộc đối tượng là con công an, lực lượng vũ trang nhân dân.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

- Niêm yết công khai tại trang Web của nhà trường;
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm công khai

- Công khai vào tháng 6 và cập nhật khi có thông tin mới hoặc thay đổi.
- Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên, nhân viên xem xét theo dõi.
- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo qua sổ liên lạc điện tử và hệ thống truyền thanh của xã trước khi trường thực hiện tuyển sinh.
- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2024-2025 trước 30/09/2024.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT để báo cáo;
- Lưu VT



Lâm Thị Thoa

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
		<ul style="list-style-type: none"> - Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm) - Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ khuyết tật, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. - Trẻ có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại xã Hải Hà. 				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. - Thực hiện 35 tuần/năm học 				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Thông tin về Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học. - Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua thư điện tử; qua Zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. - Họp Cha mẹ học sinh - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. 				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các hoạt động theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội thi, giao lưu; - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Dạy KNS cho HS. 				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh được đánh giá Đạt trở lên về năng lực, phẩm chất - Kết quả hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. 				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	-Đạt chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình				

Hải Hà, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



THÔNG BÁO

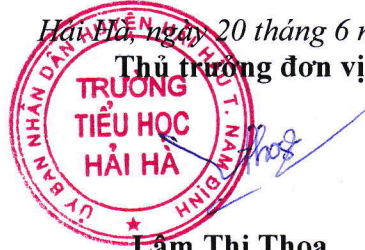
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	556	117	100	123	124	92
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	556	117	100	123	124	92
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	477/556 =85,79%	95/117= 81,19%	86/100= 86%	99/123= 80,48%	111/124= 89,51%	86/92= 93,47%
2	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	74/556= 13,3%	18/117= 15,41	13/100= 13%	24/123= 19,52%	13/124= 10,49%	6/92= 6,53%
3	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	5/556= 0,91%	4/117= 3,4%	1/100= 1%	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	355/556 = 63,86%	79/117=6 7,55%	68/100= 8%	68/123= 55,29%	82/124= 66,13%	58/92= 63,05%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	195/556 = 35,07%	34/117= 29,05%	31/100= 31%	54/123= 43,90%	42/124= 33,87%	34/92= 36,95%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	6/556= 1,07%	4/117= 3,4%	1/100=1 %	1/123= 0,81%	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	550/556 = 98,93%	113/1179 6,6%	99/100 = 99%	122/123 = 99,19%	124/124= 100%	92/92= 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	339/556 =60,97%	78/117=6 6,66%	68/100= 68%	68/123= 55,28%	82/124= 66,12%	43/92= 46,73%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	64/556= 11,51%	3/117= 2,56%	11/100= 11%	10/123= 8,13%	20/124= 1,12%	20/92= 21,73%

2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	$6/556=$ 1,07%	$4/117=$ 3,4%	$1/100=$ 1%	$1/123=$ 0,81%		0
---	-------------------------------------	-------------------	------------------	----------------	-------------------	--	---

Hải Hà, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lâm Thị Thoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	17/17	1,49m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	17	1,49 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4805	8,9 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2100	3,8 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1416	
1	Diện tích phòng học (m ²)	828	
2	Diện tích thư viện (m ²)	78	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	52	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	52	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	26	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	26	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	184	61
1.2	Khối lớp 2	211	52
1.3	Khối lớp 3	63	16
1.4	Khối lớp 4	66	22
1.5	Khối lớp 5	50	17

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	85	28
2.2	Khối lớp 2	55	19
2.3	Khối lớp 3	61	15
2.4	Khối lớp 4	28	10
2.5	Khối lớp 5	52	17
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	29	19hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác (âm thanh)	1	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1-78 m ²		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		6		50m ² /556hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hải Hà, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lâm Thị Thoa

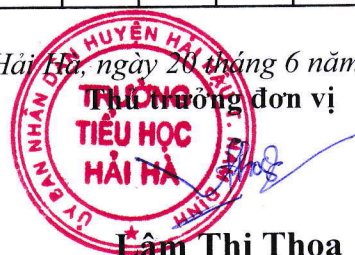
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	0	0	21	6	2	0	1	7	11	17	6	1	0
	Giáo viên	24	0	0	18	6	0	0	0	15	9	15	2	1	0
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	7			4	3				5	2	5			
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			1	1				2		1	1		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	1				1				1		1			
5	Mỹ thuật	1			1						1	1			
6	Thể dục	2			1	1				2		1	1		
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	3					3								
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên bảo vệ	1						1							

Hải Hậu, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Trưởng đơn vị



Lâm Thị Thoa